

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HS-ST

Ngày: 17 - 11 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Thùy;

2. Ông Phạm Ngọc Dụ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2017/TLST - HS, ngày 16/10/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXXST - HS ngày 06/11/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm 13, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Đoàn Thị M; có vợ là Đinh Thị H đã ly thân; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Ngày 25/02/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xử phạt 08 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tiền sự: Ngày 27/9/2015, bị Công an xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 21/8/2017 đến ngày 27/8/2017 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Phạm Huy C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm 22, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 05/8/2017, Nguyễn Văn K mượn xe đạp của thanh niên tên T ở xã X đi từ nhà đến nhà bạn là Phạm Văn T ở xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định chơi. Đến nơi K gặp bác của T là bà Phạm Thị H và bố của T là Phạm Văn T; K hỏi bà H “T có ở nhà không”, bà H trả lời “Không có ở nhà”; K hỏi bà H xin nước uống, K đi theo bà H vào nhà, bà H đưa nước cho K rồi đi ra ngoài vì nghĩ K là bạn T. K quan sát xung quanh thấy có 01 điện thoại nhãn OPPO R7 màu vàng để trên mặt bàn uống nước tại phòng khách liền lấy cất vào túi rồi mang ra về. Trên đường đi K tắt nguồn điện thoại, tháo thẻ sim và mang đến cửa hàng điện thoại của anh Phan Huy C ở xóm 22, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định nói là điện thoại của mình muốn bán; anh C thỏa thuận với K và mua điện thoại với giá 400.000 đồng, K đồng ý bán và nhận tiền. Sau đó K trả xe đạp cho anh T, số tiền bán điện thoại K chi tiêu hết.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi được chiếc điện thoại mà K đã trộm cắp và trả lại cho người bị hại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 17/KL- HDDG ngày 22/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Trường kết luận: 01 điện thoại OPPO R7, màu vàng có giá trị 3 (ba) triệu đồng.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 15/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố đã phân tích về tình tiết của vụ án, đánh giá các chứng cứ đã được xem xét công khai tại phiên tòa, phân tích về nhân thân, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và khẳng định có đủ cơ sở buộc tội bị cáo như cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Tuyên bố Nguyễn Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”; căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù; hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử truy thu số tiền 400.000đ của bị cáo để sung quỹ Nhà nước do phạm tội mà có.

Bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu và không tự bào chữa, tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, như lời khai của người bị hại, của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết hợp với Kết luận định giá tài sản bị trộm cắp; từ đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/8/2017, tại xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo Nguyễn Văn K đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại OPPO R7, màu vàng, trị giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) của anh Phạm Văn T. Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đối với bị cáo.

[3] Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây tâm lý bất an cho nhân dân tại địa phương. Hành vi của bị cáo còn thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, đã bị kết án về tội “Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích cũng như có một tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo không đó để làm bài học cho bản thân mình mà tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội nên cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng đấu tranh, răn đe và phòng ngừa.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Từ những phân tích trên, xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Phạm Văn T đã nhận chiếc điện thoại; nay anh T không yêu cầu gì thêm nên không xem xét điều chỉnh.

[7] Về vật chứng của vụ án: Số tiền 400.000đ bị cáo có do bán chiếc điện thoại cho anh Phan Huy C. Nay anh Phan Huy C không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại. Xét khoản tiền 400.000đ do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn K là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm p, khoản 1 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 2 Điều 76, Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K tù 15 (mười lăm) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 21/8/2017.
3. Về vật chứng của vụ án: Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn K số tiền 400.000đ để sung quỹ Nhà nước.
4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn K phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người bị hại anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- Công an Huyện: 02 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Người bị hại: 01 bản;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

